

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN**

1
**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2021

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Đình Thanh;

2. Ông Võ Đức Hậu.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng-Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Xeo Văn Toàn-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về “Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Bản K, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Bản K, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Hồng-Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Lương Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn tại UBND xã, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, suy nghĩ, anh M không quan tâm, không có trách

nhệm với gia đình nên dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột với nhau. Chị T đã nhiều lần tha thứ nhưng anh M vẫn không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh M nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Lương Văn M không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1994, cháu Lương Thị Y, sinh ngày 22/8/1995 và cháu Lương Thị N, sinh ngày 25/02/1998. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản làm việc, bị đơn anh Lương Văn M trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh M thừa nhận về thời điểm chung sống, phong tục, tập quán về việc chung sống đúng như chị T trình bày. Anh và chị T về sống chung thì cuộc sống hôn nhân của hai người diễn ra bình thường. Đến năm 2007, thì anh và chị T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp nhau, dẫn đến thường xuyên tranh cãi, xung đột với nhau, từ năm 2007 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị T làm đơn ly hôn thì anh đồng ý vì giữa anh và chị T không còn tình cảm với nhau, đề nghị Tòa án tuyên bố anh và chị T không phải là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1994, cháu Lương Thị Y, sinh ngày 22/8/1995 và cháu Lương Thị N, sinh ngày 25/02/1998. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn lập luận và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn M trong thời gian sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách, lối sống, quan điểm hai người không hợp nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau, nên dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột, mặc dù chị đã nhiều lần tha thứ bỏ qua nhưng anh M không thay đổi, chị T và anh M đã sống ly thân nhau từ năm 2007, nay chị T không còn tình cảm với anh M nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị T và anh M không phải là vợ chồng; về con chung: Chị T và anh M có 03 con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1994, cháu Lương Thị Y, sinh ngày 22/8/1995 và cháu Lương Thị N, sinh ngày 25/02/1998. Hiện nay cả 03 con chung đều đã trưởng thành và lập gia đình, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị T và anh Lương Văn M là vợ chồng.

Về con chung: Đối với 03 con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1994, cháu Lương Thị Y, sinh ngày 22/8/1995 và cháu Lương Thị N, sinh ngày 25/02/1998 nay đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lương Văn M là vợ chồng có địa chỉ cư trú tại xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về “Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Văn M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh M là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị T và anh M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị T và anh M không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người có phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, xung đột với nhau, chị T đã nhiều lần tha thứ nhưng anh M không thay đổi, chị T và anh M sống ly thân nhau từ năm 2007. Hiện nay chị T không còn tình cảm với anh M, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị T và anh M là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Lương Thị T và anh Lương Văn M không phải là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn M trong thời gian chung sống có 03 con chung là cháu Lương Thị T, sinh ngày 15/3/1994, cháu Lương Thị Y, sinh ngày 22/8/1995 và cháu Lương Thị N, sinh ngày 25/02/1998. Hiện nay cả 03 cháu đã đủ tuổi trưởng thành và lập gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lập luận và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lương Thị T và anh Lương Văn M là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003946 ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị T có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lương Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Vi Thị Khuyên